| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 03 /2020/HNGĐ-ST

Ngày 20-7-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Đinh Văn Tư.

*Các Hội thẩm nhân dân:*Bà Hoàng Thị Thu Lâm và ông Trần Đăng Thanh.

- *Thư ký phiên tòa:*Bà Lê Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/TLST-HNGĐ ngày 04 - 3-2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07/7/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị H; Sinh năm: 1975; Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường X, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

2. Bị đơn:Ông Lê Hữu T; Sinh năm: 1973; Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường X, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:* Bà và ông Lê Hữu T kết hôn vào năm 1993 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã được hai bên gia đình đồng ý và UBND xã X, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh(Nay là UBND phường X, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh) đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận với nhau thời gian khoảng 24 năm, đến năm 2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông Lê Hữu T suốt ngày rượu chè, ghen tuông, hay ngược đãi, hành hung vợ  không tôn trọng vợ và các con. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 08/2018 đến nay. Hiện bà Lê Thị H xác định không còn tình cảm với ông Lê Hữu T nữa, nên yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn ông Lê Hữu T. Về con

chung vợ chồng có 03 con chung là Lê Thị Th, sinh ngày 06/7/1994 và Lê Hoài N, sinh ngày 08/7/1996 (đã đủ tuổi trưởng thành và lập gia đình riêng) còn cháu Lê Thị Thùy G, sinh ngày 11/02/2012, bà Lê Thị H yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông Lê Hữu T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị H không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn ông Lê Hữu T trình bày:* Ông thống nhất về thời điểm cũng như sự tự nguyện khi kết hôn, quá trình chung sống, cũng như con chung. Ông Lê Hữu T cho rằng vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng, bà Lê Thị H dọn ra ngoài sống ly thân nhau từ tháng 08/2018, nguyên nhân mâu thuẫn do ông có tính hay ghen nên đôi lúc uống rượu vào không làm chủ được bản thân nên xãy ra xích mích, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn đến mức phải ly hôn nên ông Lê Hữu T mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhằm xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con cái. Nêntrong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Lê Hữu T không đồng ý ly hôn. Về con chung ông Lê Hữu T không đồng ý việc ly hôn nên ông không yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Nếu phải ly hôn ông Lê Hữu T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Lê Thị Thùy G, sinh ngày 11/02/2012 con chung của ông Lê Hữu T và bà Lê Thị H có đơn nguyện vọng xin được ở với mẹ là bà Lê Thị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về hôn nhân: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không thể đạt được vì vậy căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho bà Lê Thị H được ly hôn ông Lê Hữu T. Về con chung: Đề nghị căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con Lê Thị Thùy G cho bà Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với con Lê Thị Th và Lê Hoài N hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành và đã lập gia đình riêng, đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị H về việc không yêu cầu ông Lê Hữu T phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên đề nghị HĐXX không xem xét; Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định; Về quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nội dung vụ án, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Lê Hữu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh(nay là UBND phường X, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh) vào ngày 10/10/1993đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo luật định. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị H và ông Lê Hữu T là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn từ khoảng đầu năm 2017đến nay, nguyên nhân bà Lê Thị H cho rằng ông Lê Hữu T mỗi khi uống rượu về tìm cớ ghen tuông, gây mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng cãi nhau, bà Lê Thị H cho rằng vợ chồng sống không hợp nhau, dẫn đến xảy ra cãi nhau thậm chí xảy ra xô xát, điều đó thể hiện vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Bà Lê Thị H cũng như ông Lê Hữu T xác nhận đã cùng gia đình hai bên nội ngoại và chính quyền địa phương hoà giải nhằm để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần nhưng đều không có kết quả, sau khi sống ly thân từ tháng 8/2018, ông Lê Hữu T cóyêu cầu bà Lê Thị H về sống đoàn tụ nhưng bà Lê Thị H không quay về để đoàn tụ vợ chồng, vợ chồng sống ly thân từ đóđến nay. Hội đồng xét xử thấy: Thực tế vợ chồng đãsống ly thân từ tháng 08/2018 cho đến nay, phía bà Lê Thị H xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy gay gắt, trầm trọng, do vậy bà không còn một chút tình cảm vợ chồng với ông Lê Hữu T. Bản thân ông Lê Hữu T xác nhận vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn thậm chí xảy ra xô xát nhưng ông Lê Hữu T cho rằng mâu thuẫn chưa trầm trọng, do vậy ông không đồng ý ly hôn và mong muốn bà Lê Thị H quay về sống đoàn tụ. Quá trình làm việc tại Tòa án, Tòa án đã tiến hành hoà giải hàn hắn tình cảm vợ chồng nhiều lần nhưng phía bà Lê Thị H vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị được ly hôn. Quá trình làm việc cũng như tại phiên toà ông Lê Hữu T không đưa ra được phương pháp nào khác

để tháo gỡ mâu thuẫn vợ chồng ngoài lời đề nghị bà Lê Thị H quay về đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân giữa bà Lê Thị H và ông Lê Hữu T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng cũng không thể có hạnh phúc. Xét yêu cầu của bà Lê Thị H là phù hợp với thực tế cuộc sống chung của vợ chồng, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Do vậy, cần xử cho bà Lê Thị Hđược ly hôn với ông Lê Hữu T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà Lê Thị H và ông Lê Hữu T xác nhận vợ chồngcó 03 con chung là Lê Thị Th, sinh ngày 06/7/1994 và Lê Hoài N, sinh ngày 08/7/1996(đã đủ tuổi trưởng thành là lập gia đình riêng) còn Lê Thị Thùy G, sinh ngày 11/02/2012, bà Lê Thị H yêu cầu được nuôi cháu G và không yêu cầu ông Lê Hữu T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy con chung Lê Thị Th, Lê Hoài N đã đủ tuổi trưởng thành và lập gia đình riêng nên không xem xét. Cháu Lê Thị Thùy G có nguyện vọng sống với mẹ, hiện nay bà Lê Thị H đang làm nghề lao động tự do, nhưng cũng có thu nhập hàng tháng ổn định đủ điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng con. Còn ông Lê Hữu T trình bày tại phiên tòa hiện ông đang làm nghề tự do thường xuyên phải đi làm, thu nhập không ổn định Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con Lê Thị Thùy G cho bà Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị H về không yêu cầu ông Lê Hữu T phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu, do vậy không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu án ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Bà Lê Thị Hđược ly hôn ông Lê Hữu T.

- Về con chung: Giao cho bà Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Thị Thùy G, sinh ngày 11/02/2012 đến khi đủ tuổi trưởng thành(đủ tròn 18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị H về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4. Về án phí: Bà Lê Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng)án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2016/ 0007078 ngày 04 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kỳ Anh, tiền án phí bà Lê Thị H đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn,bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND thị xã Kỳ Anh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Chi cục THADS thị xã Kỳ Anh;
- Các đương sự;
- UBND phường X;
- Lưu Hồ sơ; VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Đinh Văn Tư**